



bì wèi
陛 卫

noun · imperial guard (guarding the throne steps)

Example Sentence

Huáng gōng de bì wèi rì yè shǒu hù zhe dà diàn de ān quán
皇 宫 的陛卫日夜守护着大殿的安全。

The imperial guards of the palace protect the safety of the main hall day and night.

Trace each character, then write the word on your own.

陛	陛	陛	陛	陛	陛	陛	陛	陛	陛	陛
陛										

卫	卫	卫	卫	卫	卫					

